

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2017/HNGĐ-ST

Ngày 20 - 7 - 2017

V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Công Nghĩa

2. Bà Trần Thị Ngọc Lan

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Như Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa:* Ông Mai Anh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2017/TLST-HNGĐ ngày 05/4/2017 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/6/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S

Trú tại: Tổ dân phố Đình, phường T, thị xã B, tỉnh Q.

1. Bị đơn: Anh Nguyễn Đăng N

Trú tại: Khu phố 4, phường Đ, thị xã B, tỉnh Q.

Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 30/3/2017 và bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị S trình bày: Chị và anh Nguyễn Đăng N tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện QT, tỉnh Q (Nay là phường T, thị xã B, tỉnh Q) vào ngày 09/01/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N ngay sau khi kết hôn thường uống rượu bê tha rồi dần vật chửi bới, thậm chí còn hành hung chị. Mặc dù chị và gia đình đã khuyên can nhưng anh N không những không thay đổi mà ngày càng đối xử tệ bạc với chị khiến chị không thể chịu đựng được. Sau khi sinh con được 01 tháng chị buộc phải về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và anh chị ly thân từ năm 2005 cho đến nay. Do sống ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được và hiện tại chị cảm thấy mình thật sự không còn tình cảm gì với anh N nữa,

nên nguyện vọng mong muốn được ly hôn với anh N để ổn định cuộc sống bản thân sau này.

Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Yến Nh, sinh ngày 08 tháng 01 năm 2005. Sau ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh N đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng anh chị chưa tôn tạo được tài sản chung gì; anh chị không vay nợ của ai cũng như không cho ai vay nợ của vợ chồng. Vì vậy, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về mặt tố tụng, quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không có vấn đề gì vi phạm; nguyên đơn tuân thủ nghiêm chỉnh sự triệu tập của Tòa án, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Về mặt nội dung, thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị S ly hôn với anh N; đề nghị áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị S được quyền nuôi dưỡng con chung, anh N phải có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi con theo đúng quy định của pháp luật; không xem xét giải quyết về tài sản chung của vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng, gồm: thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần cho anh Nguyễn Đăng N nhưng anh N không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương và gia đình cho thấy: Anh Nguyễn Đăng N và gia đình đã nhận được đầy đủ các văn bản, giấy tờ do Tòa án tổng đạt, tuy nhiên không chấp hành theo thông báo, triệu tập của Tòa án, vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật, mở phiên tòa xét xử vụ án vào ngày 26/6/2017, trước đó đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập đến phiên tòa lần thứ nhất cho anh N, tuy nhiên, do anh N vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa. Tòa án triệu tập anh N đến phiên tòa lần thứ hai vào ngày 20/7/2017 và cũng đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập đến phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh N, nhưng tại phiên tòa anh N vẫn tiếp tục vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về sự vắng mặt của anh Nguyễn Đăng N tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa hai lần nhưng anh N vẫn vắng mặt không rõ lý do, vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vụ án vắng mặt anh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Đăng N lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn, sống chung hạnh phúc không được bao lâu đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N hay rượu chè bê tha, thiếu tôn trọng vợ, thậm chí còn có hành vi bạo hành đối với chị S. Hai bên đã sống ly thân từ năm 2005 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị S kiên quyết xin được ly hôn với anh N.

Đối với anh Nguyễn Đăng N, mặc dù đã nhận được văn bản tố tụng đầy đủ, anh biết rõ việc chị S làm đơn xin ly hôn mình và vụ án đang được Tòa án thụ lý giải quyết theo thẩm quyền nhưng đã cố tình vắng mặt, cố tình trốn tránh, không chấp hành theo triệu tập của Tòa án. Theo trình bày của chị S và kết quả xác minh cho thấy, trong khoảng thời gian dài ly thân, anh N đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình đối với vợ, con, không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng; chị S và con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống nhưng việc anh đến thăm nom hai mẹ con cũng có phần hạn chế.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Đăng N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị S, áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị S được ly hôn đối với anh Nguyễn Đăng N là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung: Trong quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Đăng N có 01 con chung, tên là Nguyễn Yến Nh, sinh ngày 08 tháng 01 năm 2005. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu Nh ở với chị S và hiện tại cháu Nh đã có đơn trình bày nguyện vọng mong muốn được ở với mẹ. Vì vậy xét nguyện vọng của chị S được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con là hoàn toàn chính đáng và phù hợp. Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con cho chị S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, buộc anh N có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng chị S mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ tháng 8/2017 cho đến khi con đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để nuôi sống bản thân.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Đăng N không có tài sản chung, không vay nợ của ai cũng như không cho ai vay nợ của vợ chồng, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Đăng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Đăng N.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị S, xử cho chị Nguyễn Thị S được ly hôn với anh Nguyễn Đăng N.

3. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị S được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Yên Nh, sinh ngày 08 tháng 01 năm 2005. Anh Nguyễn Đăng N phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) kể từ tháng 8 năm 2017 cho đến khi con đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để nuôi sống bản thân.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về quan hệ tài sản chung: Không có nên không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà chị đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002892, ngày 03/4/2017. Chị S đã nộp đủ tiền án phí.

Buộc anh Nguyễn Đăng N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ để sung vào công quỹ Nhà nước.

Án xử sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với người có mặt) và trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản S bản án hoặc niêm yết bản án (đối với người vắng mặt).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND phường Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Diệu

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND phường Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Diệu